TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Lê Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 20, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 20, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn B chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn số 374, quyển số 02 do UBND xã V (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh T), huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 27/12/2010 cho anh Huỳnh Văn B và chị Trần Thị K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng tính

tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình mà thường uống rượu, chửi mắng và đánh chị vô cớ, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không chịu sửa đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, anh B có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Huỳnh Văn N, sinh ngày 02/02/2005, Huỳnh Thị Bích T, sinh ngày 26/4/2011 và Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/7/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung là Huỳnh Thị Bích T và Huỳnh Thị Bích T1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi các con chung. Đối với con chung là Huỳnh Văn N hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn B được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K.

Tại phiên tòa:

- Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B, yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung là Huỳnh Thị Bích T và Huỳnh Thị Bích T1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi các con chung. Đối với con chung là Huỳnh Văn N hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Anh B vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị K được ly hôn với anh B. Về con chung: Đề nghị giao cháu T và cháu T1 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị K không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị không xem xét. Đối với con chung là Huỳnh Văn N hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động được chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh B nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Anh B có địa chỉ cư trú tại khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, chị K có mặt. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K và anh B chung sống với nhau năm 2004, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh T), huyện C, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị K trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình mà thường uống rượu, chửi mắng và đánh chị vô cớ, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không chịu sửa đổi nên hôn nhân giữa chị và anh B không còn hạnh phúc. Thực tế chị K và anh B đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị K yêu cầu ly hôn do

mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho thấy, chị K cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía anh B những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì anh B đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh B không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị K.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh B. Tại biên bản xác minh ngày 08/3/2023 đại diện Ban khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang cho biết quá trình chung sống chị K và anh B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B1 khóm không biết do không trình báo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] *Về con chung*: Chị K và anh B có 03 (ba) con chung là Huỳnh Văn N, sinh ngày 02/02/2005, Huỳnh Thị Bích T, sinh ngày 26/4/2011 và Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/7/2012. Xét thấy, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cháu T1. Đồng thời, cháu T và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T và cháu T1 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung là Huỳnh Văn N, sinh ngày 02/02/2005 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động được, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh B là người không trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung. Chị K và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 374, Quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh T), huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 27/12/2010 cho anh Huỳnh Văn B và chị Trần Thị K không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Trần Thị K được trực tiếp nuôi các con chung là Huỳnh Thị Bích T, sinh ngày 26/4/2011 và Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/7/2012. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết. Đối với con chung là Huỳnh Văn N, sinh ngày 02/02/2005 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết.

Chị K và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005131 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên chị K không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Huỳnh Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến